

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HS-ST
Ngày: 20-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thời
- Ông Dư Công Thử

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Minh Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: ông Phạm Duy Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/HSST ngày 18/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HS ngày 07/3/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thành L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh năm: 1990, tại: N2; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh N2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Nông.

Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1965 và con bà Lê Thị C, sinh năm: 1964, Nơi cư trú: Thôn T, M, N, N2; Anh em ruột: Có 03 người lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Trần Thị Kim T, sinh năm: 1990 (đã ly hôn); Con: 03 người, lớn nhất sinh năm: 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: năm 2009 bị Toà án huyện N, tỉnh N2 xử phạt 15 tháng tù về hành vi Cố ý gây thương tích theo bản án số 05/2009/HSST ngày 26/02/2009; Năm 2015 bị Toà án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản theo bản án số 52/2015/HSST ngày 27/11/2015; Năm 2022 bị Toà án huyện N, tỉnh N2 xử phạt 07 tháng 02 ngày tù về hành vi trộm cắp tài sản theo bản án số 07/2022/HS-ST ngày 02/3/2022.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, nay thuộc Trại tạm giam tỉnh Lâm Đồng từ ngày 19/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa

2. Họ tên: **Nguyễn Thành H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh năm: 1994, tại: N2; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh N2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Nông.

Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1965 và con bà Lê Thị C, sinh năm: 1964, Nơi cư trú: Thôn T, M, N, N2; Anh em ruột: Có 03 người lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Phạm Thị Ú, sinh năm: 1995 (đã ly hôn), Con: 02 người, lớn nhất sinh năm: 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 17/12/2022 bị Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, nay thuộc Trại tạm giam tỉnh Lâm Đồng từ ngày 22/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa

3. Họ tên: **Nguyễn Văn T1**; Tên gọi khác: T2; Giới tính: Nam; sinh năm: 1991, tại: N2; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh N2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 00/12; Nghề nghiệp: Nông.

Con ông: Nguyễn Văn L2 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1957, Nơi cư trú: Thôn P, M, N, N2; Anh chị ruột: Có 04 người lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1989; bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Trần Thị D, sinh năm: 1991, Con: 03 người, lớn nhất sinh năm: 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2015 bị bị Toà án huyện N, tỉnh N2 xử phạt 24 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản theo bản án số 14/2015/HSST ngày 06/5/2015.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, nay thuộc Trại tạm giam tỉnh Lâm Đồng từ ngày 05/11/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Đặng Thanh T3, sinh năm: 1989; Địa chỉ: tổ dân phố P, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Nguyễn N, sinh năm: 1966; Địa chỉ: tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- Bà Đỗ Thị Phước L3, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*.

- Bà SơNur Zi L4, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Phương N1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố A, P, Phan rang T, N2. (có mặt).

- Bà Hồ Thị Thư S, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn H, Q, N, N2. (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Kim N2, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt).

Người làm chứng:

Trần Hữu L5; sinh năm: 1985; Địa chỉ: thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 18/10/2024, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Thành H, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn T1 đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 07/10/2024, Nguyễn Thành L cùng em ruột là Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn T1 đang ngồi ăn nhậu với nhau, khi T1 biết L và H có ý định lên huyện Đ để trộm cắp tài sản thì T1 xin L và H cùng tham gia thì được L và H đồng ý. L nói cứ mỗi xe trộm cắp được T1 chạy từ Đ về cất giấu tại Nghĩa trang H1 thì L sẽ trả cho T1 500.000đ thì được T1 đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 00 ngày 07/10/2024, L gọi điện thoại cho H và T1 để lên huyện Đ trộm cắp tài sản, L chờ H và T1 bằng xe mô tô Yamaha Exciter, màu đen xanh (không rõ biển số) đi từ nhà vợ của L tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh N2 lên thị trấn D, Đ, Lâm Đồng tìm kiếm xe mô tô để trộm cắp.

Đến khoảng 00h00' ngày 08/10/2024, khi đi đến khu vực Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện Đ thì thấy nhà ông Đặng Thanh T3 ở bên đường không có cổng, trên sân đang để 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, BKS: 49F1-469.92. Lúc này, H và T1 quay đầu xe ngược lại, dựng xe ngoài đường và canh chừng người còn L đi vào chỗ dựng xe dùng kim bấm cắt ổ khoá xe rồi dắt xe ra ngoài và ngồi lên điều khiển, T1 điều khiển xe Exciter chở H và đẩy L về hướng N khoảng 500m thì dừng lại tại một bãi đá bên đường để Lâm đầu dây điện, nổ máy xe. Sau đó, L đưa xe này cho T1 một mình chạy về cất giấu tại nghĩa trang H1, ở thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh N2. Sau khi cất xe trộm cắp, T1 đi bộ về nhà vợ của L, lấy xe mô tô của mình và đi về nhà tại huyện B, N2 để ngủ. L điều khiển xe Yamaha Exciter chở H tiếp tục quay lại hướng chợ D2 để tìm tài sản trộm cắp, khi đi đến khu vực tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, L và H phát hiện trong sân nhà ông Nguyễn Nguyên D1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, BKS: 49F1-

025.19; L chạy xe dừng bên đường đối diện quay đầu xe về hướng N2, H ngồi trên xe canh gác, L đi vào dùng kim bấm cắt khóa cổng, mở cổng sau đó dắt xe ra ngoài; L ngồi lên xe vừa lấy trộm còn H chạy xe Exciter dùng chân đẩy L đến vị trí bãi đá lúc trước để Lâm đấu dây và nổ máy xe. Sau đó, L điều khiển xe S1 trộm cắp chạy xuống cát giấu vào chòi bán nước của người dân ở khu vực đầu đèo S. Sau đó L và H tiếp tục chạy ngược về hướng chợ D2 để tìm kiếm tài sản trộm cắp, khi đến khu vực chợ L6, thuộc tổ dân phố A, thị trấn D, huyện Đ, H và L chạy vào hẻm thì phát hiện trong sân nhà của bà Đỗ Thị Phước L3 có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu dáng Wave Alpha, màu trắng, BKS: 49F1-330.86; L điều khiển xe Yamaha E đậu cách nhà này một đoạn, H đứng canh gác. L đi bộ vào nhà bà L3 dắt xe mô tô ra đưa cho H, sau đó H ngồi trên xe rồi L điều khiển xe Exciter dùng chân đẩy đến vị trí bãi đá để đấu dây điện. Khi đến nơi, Lâm đấu dây điện, đạp nổ rồi điều khiển xe mô tô Wave Alpha vừa trộm cắp được về nghĩa trang H1 tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh N2 để cất giấu; H điều khiển xe mô tô Yamaha E đi về cùng. Khi về đến nghĩa trang H1 cất giấu xe mô tô trộm cắp xong, L đi bộ về nhà Hồ Thị Thư S (người đang chung sống với L như vợ chồng) còn H gọi điện thoại cho T1 để rủ T1 lên đầu đèo S để chạy chiếc xe đã trộm cắp được thì T1 đồng ý. H sử dụng xe Yamaha Exciter chạy qua khu vực huyện B đón T1 sau đó chở T1 đi lên đầu đèo S, lấy chiếc xe Sirius màu trắng mà L và H đã trộm cắp của ông N về nghĩa trang H1 để cất giấu. H điều khiển xe Yamaha Sirius, màu trắng trộm cắp được còn T1 điều khiển xe Yamaha Exciter đi theo sau, đến nghĩa trang H1 thì H cất giấu xe Yamaha Sirius đã trộm cắp được vào vị trí L cất giấu xe Honda Wave. Sau đó, H đi tìm vị trí T1 cất giấu xe Yamaha Sirius ban đầu rồi dắt về cất giấu chung với 02 chiếc xe còn lại. Lúc này, T1 chờ H ngoài đường bê tông bên trong nghĩa trang, sau khi cất giấu xong 03 chiếc xe mô tô trộm cắp được thì T1 và H về nhà chị S để ngủ. Sáng ngày 08/10/2024, do đêm ngày hôm trước T1 chạy 02 xe mô tô trộm cắp về cất giấu nên L trả cho T1 1.000.000đ. L và H mang 03 xe mô tô trộm cắp được đi bán cho 01 người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch được tổng số tiền 10 triệu đồng, sau khi trừ 1.000.000đ chia cho T1, L chia cho H 4.500.000đ còn lại L giữ lại 4.500.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 67 ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận xe mô tô Honda Wave, màu trắng đen bạc, BKS: 49F1-330.86 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 7.800.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 68 ngày 23/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận xe mô tô Yamaha Sirius, màu trắng đen, BKS: 49F1-025.19 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 3.500.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 69 ngày 24/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận xe mô tô Yamaha Sirius, màu đỏ đen, BKS: 49F1-469.92 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 8.000.000đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà L và H trộm cắp trong rạng sáng ngày 08/10/2024 là 19.300.000đ; tổng giá trị tài sản mà T1 trộm cắp vào rạng sáng ngày 08/10/2024 là 11.500.000đ

Vụ thứ hai:

Nguyễn Thành H đang thuê nhà trọ ở gần quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị O, tại: thôn K, xã K, huyện Đ. Ngày 15/10/2024, H đi mua card điện thoại tại quán bà O thì thấy bà O mở cốp xe Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 49F1-388.10 để lấy card điện thoại và nhìn thấy trong cốp xe có nhiều tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà O. Đến trưa ngày 15/10/2024, thực hiện ý định trộm cắp tài sản nói trên, H gọi điện thoại rủ L để trộm cắp tài sản của bà O thì được L đồng ý. Đến khoảng 10 giờ ngày 16/10/2024, L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, không có dàn áo, không có biển số đi lên xã K, huyện Đ như đã hẹn để cùng H trộm cắp tài sản. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, trời bắt đầu mưa, H chở L bằng xe Y đi đến quán T5 để trộm cắp tài sản. Lúc này, H đậu xe bên đường, phía đối diện với quán T5, quay đầu xe về hướng xã K, Đ, Lâm Đồng. L xuống xe, đi bộ vào quán tạp hóa để trộm cắp tài sản còn H đứng bên ngoài canh gác. Khi đi vào trước quán, thấy không có người trong quán nên L sử dụng cây xà beng ngắn đã chuẩn bị từ trước, đi lại bên cạnh xe mô tô Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 49F1-388.10 cạy cốp xe mô tô lấy trộm trong cốp 01 túi bằng vải, màu đen; 01 ví da, màu đen; 01 ví vải màu nâu rồi bỏ ra phía ngoài nơi H đang đứng đợi sẵn. L leo lên xe rồi H chở L chạy về hướng trường THPT P, đi qua ngã ba trường THPT P một đoạn thì rẽ vào hẻm, dừng trước một ngôi nhà. Tại đây, H và L kiểm tra bên trong 01 túi vải và 02 ví có số tiền 45.000.000đ và 1.000.000đ tiền card điện thoại các mệnh giá và một số giấy tờ cá nhân của bà O. L chia cho H số tiền 22.000.000đ và 1.000.000đ tiền card điện thoại; Lâm giữ số tiền 23.000.000đ tiền mặt cùng các giấy tờ cá nhân của bà O. Sau đó, L chạy xe mô tô về huyện N - N2 còn H đi bộ về lại nhà thuê tại thôn K, xã K, huyện Đ. Trên đường đi, do số card điện thoại không sử dụng đến nên H đã vứt bỏ. Còn L, trên đường chạy xe về N2, khi đi đến hồ câu cá dịch vụ Lộc Trần thuộc thôn C, L, Đ thì L vứt bỏ hết các túi và ví bên trong có chứa giấy tờ tùy thân của bà O xuống hồ rồi điều khiển xe về N2, lúc này chủ hồ câu là ông Trần Hữu L5 chứng kiến sự việc và đến kiểm tra thì lượm được túi xách cùng toàn bộ giấy tờ của bà O. Ông L5 đã liên hệ với bà O để trả lại túi xách và số giấy tờ cho bà O.

Tại bản kết luận số 72/KL-HĐĐTGS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định:

01 túi vải hình hộp chữ nhật, màu đen có chấm trắng, không có nhãn hiệu, rộng 12cm, dài 20cm, cao 08cm tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 120.000đ;

01 ví da, màu đen, hình hộp chữ nhật, không có nhãn hiệu, rộng 12cm, dài 17cm, cao 04cm tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 130.000đ;

01 ví vải, màu nâu, giữa thân ví có chữ KIPLING, rộng 10cm, dài 16cm, cao 4,5cm giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 80.000đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà L và H trộm cắp là 46.330.000đ

Vụ thứ ba:

Vào trưa ngày 18/10/2024, L gọi điện thoại rủ T1 lên huyện Đ để trộm cắp tài sản thì được T1 đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T1 đến nhà vợ của L tại thôn H, Q, N, N2 để cùng L lên huyện Đ trộm cắp tài sản. L điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter, không biển kiểm soát chở T1 đi từ huyện N, tỉnh N2 lên huyện Đ. Khi đi đến khu vực đồi thông C thuộc xã L, Đ thì L phát hiện trước nhà chị Bà SơNur Zi L4 có dựng 01 xe mô tô Yamaha Sirius, BKS 49F1-166.16 không có người trông coi nên L đã dừng xe để T1 canh gác; L lén lút đến vị trí dựng xe, đẩy xe mô tô ra đường, đấu dây điện rồi nổ máy và điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về huyện N; còn T1 điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter của L đi theo sau. Khi L điều khiển xe đến khu vực đầu đèo S, thuộc địa phận thị trấn D, Đ thì bị Công an huyện Đ phát hiện, kiểm tra, bắt giữ đối với L. Lúc này, do sợ bị bắt nên T1 đã bỏ xe Yamaha Exciter ở bên đường rồi trốn lên rừng thuộc khu vực đèo S, sau đó đi về nhà vợ ở huyện B, N2. Đến ngày 05/11/2024, nhận thức được hành vi của mình nên T1 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 70 ngày 25/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, BKS: 49F1-166.16 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 3.600.000đ. (BL 110-141).

Như vậy Nguyễn Thành L thực hiện 03 vụ trộm cắp, tài sản chiếm đoạt có giá trị 69.230.000đ; Nguyễn Thành H thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tài sản chiếm đoạt có giá trị là 66.130.000đ, Nguyễn Văn T1 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 15.100.000đ.

Cáo trạng số 13/CT-VKSDD ngày 18/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Buộc các bị cáo L, H, T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Nguyên 1; bồi thường cho ông ông Đặng Thanh T3 số tiền 8.000.000đ.

Buộc bị cáo L và bị cáo H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị O số tiền 31.000.000đ; bồi thường cho bà Đỗ Thị Phước L3 số tiền 7.800.000đ;

Các bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận hành vi phạm tội theo đúng như cáo trạng đã nêu. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị hại Nguyễn Thị O và Nguyễn N yêu cầu các bị cáo bồi thường như trong quá trình điều tra.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, tranh chấp gì đối với các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Vào thời gian từ ngày 07/10/2024 đến ngày 18/10/2024 Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn T1 đã thực hiện hành vi trộm xe mô tô của ông Đặng Thanh T3, ông Nguyễn N; Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành H thực hiện trộm xe mô tô của bà Đỗ Thị Phước L3 và tiền, tài sản của bà Nguyễn Thị O; Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của bà SoNur Zi L4. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thành L tham gia chiếm đoạt có giá trị là 69.230.000đ; Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thành H tham gia chiếm đoạt có giá trị là 66.130.000đ, Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T1 tham gia chiếm đoạt có giá trị là 15.100.000đ.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác nêu trên của Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác nêu trên của Nguyễn Văn T1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tài sản để bán lấy tiền sử dụng nên vẫn thực hiện. Xét tính

chất, mức độ do hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo từ nơi khác đến, lợi dụng ban đêm, khi người dân đi tài sản không có người trông coi, các bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm cắp, thể hiện tính liều lĩnh, coi thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo gây hoang mang lo lắng trong nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thành H đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục một phần cho bị hại là bà Nguyễn Thị O nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét các bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động, trong thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp thể hiện tính liều lĩnh, coi thường pháp luật. Trong vụ án này bị cáo L là người giữ vai trò chính, thực hiện nhiều hành vi trộm cắp hơn các bị cáo khác, các lần trộm xe mô tô, L là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực, trực tiếp dùng kim bấm cắt ổ khoá xe rồi dắt xe ra ngoài và cũng là người đấu dây điện xe để nổ máy tẩu thoát. Đối với vụ trộm tiền của bà O, L là người chuẩn bị công cụ và cũng là người trực tiếp dùng xà beng cạy cốp xe ra để lấy tiền, bị cáo có nhân thân từng nhiều lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần xử phạt mức án cao hơn các bị cáo khác. Tiếp đến là Nguyễn Thành H, số tiền chiếm đoạt lớn, là người khởi xướng trong vụ trộm tiền của bà O và cùng khởi xướng vụ trộm xe ngày 07/10/2024 với bị cáo L, có nhân thân bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc năm 2022 nên cũng cần có mức án nghiêm khắc. Bị Cáo T1 tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức, là người cảnh giới và chạy xe về nơi cất giấu, giá trị tài sản chiếm đoạt tuy không lớn nhưng phạm tội hai lần trở lên, đồng thời có nhân thân cũng từng bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản, do đó cũng cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an trên địa phương, gây hoang mang, lo lắng cho nhân dân, gây thiệt hại tài sản của các bị hại nên cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thành L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 F, màu xanh thu giữ của Nguyễn Thành H. Đây là phương tiện liên lạc với nhau của các bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen đã qua sử dụng; 01 quần dài khoảng 80cm, bằng vải cotton, màu tím đã qua sử dụng; 01 áo khoác Fil, bằng vải, màu xanh nhạt, đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu đen, loại dép có hai quai ngang thu giữ của Nguyễn Thành L; 01 đôi dép da, màu nâu, quai ngang; 01 áo thun, màu vàng, trước ngực áo có chữ “GIVENCHY” thu giữ của Nguyễn Thành H; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu trắng, hai mang tai mũ có màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn T1. Đây là trang phục các bị cáo mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo không yêu cầu nhận lại, xét giá trị không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xà beng, bằng kim loại, hình trụ tròn, màu nâu, dài 47.5cm, đường kính 1.6cm, có một đầu dẹp, một đầu tròn; 01 tua vít, dài 20,5 cm, có tay cầm bằng nhựa màu đen cam, đầu tua vít bằng kim loại, mũi dẹp. Đây là những công cụ mà L sử dụng để trộm cắp tài sản nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có áo nhựa bên ngoài, phần đầu xe có màu xanh - vàng ghi dòng chữ Y15ZR quá trình điều tra chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách ra, tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là thỏa đáng, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, BKS: 49F1- 166.16 là tài sản của bà Bà SơNur Zi L4; 01 túi vải, màu đen có chấm trắng, rộng 12cm, dài 20cm, 01 ví da màu đen rộng 12cm, dài 17cm, 01 ví vải, màu nâu, rộng 10cm, dài 16cm, 01 CCCD, 01 bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị O 01, căn cước công dân tên Nguyễn Văn Đ và 01 đăng ký xe mô tô, BKS: 49F1-388.10 là tài sản của bà Nguyễn Thị O; 01 sợi dây xích bằng kim loại, dài 75cm, đã qua sử dụng; 01 ổ khóa màu vàng trên thân có khắc chữ “HE CHUANG G20 TOP SECURITY”, đã qua sử dụng, bị cắt gãy rời phần móc khóa là tài sản của ông Đặng Thanh T3; 01 ổ khóa màu vàng, nhãn hiệu: VIỆT TIỆP, đã qua sử dụng, bị cắt gãy rời phần móc khóa là tài sản của ông Nguyễn N. Cơ quan CSĐT trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng. Các ông, bà nêu trên không có ý kiến và tranh chấp gì đối với các tài sản này, không yêu cầu các bị cáo bồi thường đối với các tài sản này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra Bị cáo L đã bồi thường được cho bà Nguyễn Thị O số tiền 10.000.000đ; bị cáo H đã bồi thường được 5.000.000đ. Bà O yêu cầu bị cáo L và bị cáo H tiếp tục bồi thường 31.000.000đ số tiền còn lại.

Các bị hại gồm: Ông Nguyễn N yêu cầu các bị cáo L, H, T1 bồi thường số tiền 10.000.000đ; ông Đặng Thanh T3 yêu cầu các bị cáo L, H, T1 bồi thường số

tiền 8.000.000đ; bà Đỗ Thị Phước L3 yêu cầu bị cáo L và bị cáo H bồi thường số tiền số 7.800.000đ. Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại, Xét thấy yêu cầu của các bị hại là có căn cứ và các bị cáo đồng ý bồi thường, do đó cần buộc bị cáo L và bị cáo H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị O số tiền 31.000.000đ; bồi thường cho bà L3 số tiền 7.800.000đ. Buộc các bị cáo L, H, T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông T3 số tiền 8.000.000đ, bồi thường cho ông N số tiền 10.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo L và H phải bồi thường cho bà O và bà L3 là 38.800.000đ, chia phần bị cáo L và bị cáo H, mỗi bị cáo phải bồi thường là 19.400.000đ;

Tổng giá trị tài sản bị cáo L, bị cáo H, bị cáo T1 phải bồi thường cho ông Nguyễn N và ông Đặng Thanh T3 là 18.000.000đ, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 6.000.000đ.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng mua 03 chiếc do các bị cáo trộm cắp của ông Nguyễn N, ông Đặng Thanh T3, bà Đỗ Thị Phước L3, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không xem xét.

Đối với số tiền trộm cắp và tiền bán được từ các tài sản trộm cắp mà có, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Hội đồng xét xử không buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính này mà buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại về trách nhiệm dân sự như đã nhận định nêu trên là phù hợp.

Đối với số tiền 5.000.000đ chị Phạm Thị Phương N1 bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Thành H, số tiền 10.000.000đ chị Hồ Thị Thư S bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Thành L. Xét thấy các số tiền này chị N1 và chị S tự nguyện cho các bị cáo mượn để bồi thường cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa chị N1 và chị S không có tranh chấp gì nên không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với chiếc xe Yamaha Sirius biển kiểm soát 49F1-025.19 đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Thị Kim N2 là em gái của ông Nguyễn N. Quá trình điều tra xác định tài sản này bà N2 đã cho ông N và không có tranh chấp gì trong vụ án nên không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với chiếc kim bấm bị cáo L dùng để cắt ổ khóa cổng của nhà ông Nguyễn N và cắt ổ khóa khóa xe của ông Đặng Thanh T3, bị cáo đã vứt bỏ, quá trình điều tra không thu giữ được nên không đề cập.

Đối với căn cước công dân của ông Nguyễn Văn Đ (ông Đ là chồng của bà Nguyễn Thị O) quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, đến nay ông Đ không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/10/2024.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/10/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/11/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thành L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2 F, màu xanh thu giữ của Nguyễn Thành H.

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen đã qua sử dụng; 01 quần dài khoảng 80cm, bằng vải cotton, màu tím đã qua sử dụng; 01 áo khoác Fil, bằng vải, màu xanh nhạt, đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu đen, loại dép có hai quai ngang; 01 đôi dép da, màu nâu, quai ngang; 01 áo thun, màu vàng, trước ngực áo có chữ “GIVENCHY”; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu trắng, hai mang tai mũ có màu xanh; 01 xà beng, bằng kim loại, hình trụ tròn, màu nâu, dài 47.5cm, đường kính 1.6cm, có một đầu dẹp, một đầu tròn; 01 tua vít, dài 20,5 cm, có tay cầm bằng nhựa màu đen cam, đầu tua vít bằng kim loại, mũi dẹp.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị O số tiền 31.000.000đ; bồi thường cho Đỗ Thị Phước L3 số tiền 7.800.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo L và bị cáo H phải bồi thường cho bà O và bà L3 là 38.800.000đ; chia phần bị cáo L và bị cáo H, mỗi bị cáo phải bồi thường là 19.400.000đ.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Thanh T4 số tiền 8.000.000đ, bồi thường cho ông Nguyễn N số tiền 10.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo L, bị cáo H, bị cáo T1 phải bồi thường cho ông Nguyễn N và ông Đặng Thanh T3 là 18.000.000đ, chia phần các bị cáo L, H, T1, mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L và bị cáo Nguyễn Thành H, mỗi bị cáo phải chịu 1.270.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị O, bà Phạm Thị Phương N1, bà Hồ Thị Thư S có quyền kháng cáo. Ông Đặng Thanh T3, bà Đỗ Thị Phước L3, bà Nguyễn Thị Kim N2, ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương;
- Các Bị cáo; Bị hại; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS; THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phúc